

**TCVN :2022**

Xuất bản lần 1

**CHUỖI HÀNH TRÌNH GỖ VÀ SẢN PHẨM TỪ GỖ**

*Chain of custody of wood and wood based products*

**HÀ NỘI - 2022**

DỰ THẢO

**Lời nói đầu**

**TCVN :2022** do Trường Đại học Lâm nghiệp biên soạn, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thẩm định, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

DỰ THẢO

DỰ THẢO

# Chuỗi hành trình gỗ và sản phẩm từ gỗ

*Chain of custody of wood and wood-based products*

## 1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định về các yêu cầu cho chuỗi hành trình (CoC) gỗ và sản phẩm từ gỗ, bần (cork) và các vật liệu lignin hóa không phải gỗ như tre nứa và các sản phẩm từ chúng.

Chú thích: Thuật ngữ “vật liệu” sử dụng trong tiêu chuẩn này được dùng để chỉ nguyên liệu thô và sản phẩm từ gỗ, bần (cork) và các vật liệu lignin hóa không phải gỗ như tre nứa, như định nghĩa trong mục 3.8.

Tiêu chuẩn này cũng có thể áp dụng cho vật liệu có nguồn gốc từ hỗn hợp các dạng vật liệu đầu vào khác nhau, và thu được từ các quá trình chế biến cơ, hóa, sinh học và/ hoặc nhiệt hoặc quá trình chế biến kết hợp các phương thức này.

Chuỗi hành trình dựa trên một hệ thống kiểm soát nhằm truy xuất và xử lý vật liệu trong suốt toàn bộ chuỗi cung ứng hoặc một số công đoạn của chuỗi cung ứng này, bao gồm từ vận chuyển, tiếp nhận, sản xuất, buôn bán, kinh doanh và khai báo đầu ra. Tiêu chuẩn này nhằm mục đích có thể truy xuất vật liệu từ các nguồn cung nguyên liệu khác nhau cho tới sản phẩm hoàn thiện cuối cùng. Ngoài ra, tiêu chuẩn này cũng quy định các yêu cầu tối thiểu cho nguyên liệu đầu vào.

Tiêu chuẩn này không áp dụng cho quản lý rừng.

## 2 Tài liệu viện dẫn

Không có tài liệu viện dẫn trong tiêu chuẩn này.

## 3 Thuật ngữ và định nghĩa

Trong tiêu chuẩn này áp dụng các thuật ngữ và định nghĩa sau:

Các cơ sở dữ liệu về thuật ngữ của ISO và IEC sử dụng trong tiêu chuẩn hóa tại các địa chỉ sau:

- Nền tảng duyệt trực tuyến ISO: <https://www.iso.org/obp/ui>
- Từ điển trực tuyến Electropedia của IEC: <https://www.electropedia.org/>

### 3.1

#### Chuỗi hành trình (Chain of custody)

Là quá trình thông tin gắn với các vật liệu (3.8) được vận chuyển, giám sát và kiểm soát xuyên suốt trong toàn bộ chuỗi cung ứng hoặc các phần của chuỗi cung ứng này.

### 3.2

#### Gỗ (Wood)

Là chất lignocellulosic nằm giữa ruột và vỏ của cây hoặc cây bụi.

[Nguồn: ISO 24294:2013, 3.1]

### 3.3

#### **Sản phẩm từ gỗ** (Wood-based product)

Sản phẩm được tạo thành hoàn toàn hoặc một phần từ gỗ (3.2) hoặc các bộ phận từ gỗ.

Chú thích 1: Sản phẩm này có thể được tạo ra từ quá trình chế biến cơ học, hóa học, sinh học và/hoặc nhiệt.

### 3.4

#### **Vật liệu lignin hóa khác ngoài gỗ** (Lignified material other than wood)

Vật liệu lignocellulosic (3.8) thu được từ vỏ cây hoặc vỏ cây bụi, hoặc từ các loại cây lâu năm mà không thể hình thành gỗ (3.2) do thiếu tầng sinh trưởng (cambium).

VÍ DỤ: tre nửa, song mây.

### 3.5

#### **Bần** (Cork)

Lớp bảo vệ của cây sồi bần (*Quercus suber* L.) có thể định kỳ lấy đi từ thân cây và cành cây để cung cấp nguyên liệu sản xuất các sản phẩm bần.

### 3.6

#### **Vật liệu khai thác hợp pháp** (Legally harvested material)

Vật liệu (3.8) được khai thác và thương mại tuân thủ các quy định pháp luật của nước khai thác.

### 3.7

#### **Vật liệu mua sắm hợp pháp** (Legally procured material)

Vật liệu (3.8) thu được từ một tổ chức (3.17) đã khai thác, chế biến và/hoặc buôn bán vật liệu này tuân thủ theo các quy định pháp luật của các nước có quyền hạn liên quan, và cho tổ chức có thể cung cấp bằng chứng về sự tuân thủ các yêu cầu của hệ thống trách nhiệm giải trình (DDS)

Chú thích: Hệ thống trách nhiệm giải trình (DDS) được mô tả trong Mục 7.

### 3.8

#### **Vật liệu** (Material)

Nguyên liệu thô và sản phẩm từ gỗ (3.2), bần (3.5) và vật liệu lignin hóa khác ngoài gỗ (3.4) như tre nửa.

### 3.9

#### **Vật liệu được chứng nhận** (Certified material)

Vật liệu được xác thực (3.11) có được chứng nhận và đáp ứng các yêu cầu của một hệ thống chứng nhận nhất định mà tổ chức (3.17) có thể cung cấp bằng chứng có chứng nhận của bên thứ ba đối với hệ thống đó.

**3.10****Vật liệu chỉ định cụ thể (Specified material)**

Vật liệu được xác thực (3.11) đáp ứng các yêu cầu cụ thể được tài liệu hóa và đăng công khai, do (các) tổ chức thiết lập trong chuỗi hành trình (3.1) và (các) tổ chức cung cấp được các thông tin liên quan đến các yêu cầu cũng như các bằng chứng tuân thủ.

Chú thích: Các ví dụ được nêu trong Phụ lục H.

**3.11****Vật liệu được xác thực (Verified material)**

Vật liệu (3.8) mà tổ chức (3.17) có thể cung cấp bằng chứng về sự tuân thủ các yêu cầu của Hệ thống trách nhiệm giải trình.

Chú thích: Hệ thống trách nhiệm giải trình (DDS) được mô tả trong Mục 7.

**3.12****Vật liệu tái chế (Recycled material)**

Vật liệu (3.8) đã được thu lại, hoặc cách khác là chuyển hướng từ dòng chất thải, kể cả từ quá trình chế biến [có nghĩa là các vật liệu tái chế hậu công nghiệp, nhưng không phải là phế liệu nội bộ (3.13)] hoặc sau khi khách hàng sử dụng [có nghĩa là các vật liệu tái chế hậu tiêu dùng], được sử dụng lại để sản xuất ra các sản phẩm mới, và tổ chức (3.17) có thể cung cấp bằng chứng tuân thủ các yêu cầu của Hệ thống trách nhiệm giải trình.

Chú thích: Ngoại trừ các sản phẩm phụ sau: các sản phẩm phụ của xưởng xẻ gỗ (ví dụ mùn cưa, dăm, vỏ cây) hoặc các phế liệu lâm nghiệp (ví dụ vỏ cây, dăm từ các cành, rễ).

**3.13****Phế liệu nội bộ (In-house scrap)**

Vật liệu (3.8) vẫn thường được tái sử dụng trong quy trình sản xuất công nghiệp ban đầu.

Chú thích: Phế liệu nội bộ không phải là vật liệu tái chế (3.12)

[Nguồn: ISO/ TR 24699:2009, 3.13]

**3.14****Sinh vật biến đổi gen (Genetically modified organism)****GMO**

Sinh vật trong đó vật liệu di truyền đã được thay đổi thông qua công nghệ sinh học hiện đại theo cách không xảy ra tự nhiên bởi việc nhân bản và/ hoặc tái tổ hợp tự nhiên.

[Nguồn: ISO 16577:2016, 3.73]

**3.15****Nhóm sản phẩm (Product group)**

Nhóm các sản phẩm có các đặc tính vật lý giống nhau hoặc tương tự nhau.

### 3.16

**Hệ số quy đổi** (Conversion factor)

*r*

Tỷ lệ giữa vật liệu (3.8) đầu vào và vật liệu đầu ra trong cùng một sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm (3.15) đi qua một địa điểm.

### 3.17

**Tổ chức** (Organization)

Người hoặc một nhóm người với chức riêng của mình, có trách nhiệm, quyền hạn và mối quan hệ để đạt được mục tiêu của mình.

Chú thích 1: Khái niệm tổ chức bao gồm, nhưng không giới hạn ở thương nhân độc quyền, công ty, tập đoàn, hãng, xí nghiệp, cơ quan quản lý, đối tác, hiệp hội, hội từ thiện hay viện, hay một phần hoặc sự kết hợp của những loại hình trên dù có được hợp nhất hay không, và là tổ chức công hay tư.

Chú thích 2: Đây là một trong những thuật ngữ chung và định nghĩa cốt lõi cho các tiêu chuẩn về hệ thống quản lý của ISO được nêu trong Phụ lục SL của tài liệu bổ sung hợp nhất của ISO cho Phần 1, Chỉ thị của ISO/IEC. Định nghĩa gốc đã được sửa đổi thông qua việc sửa đổi Chú thích 1.

[Nguồn: ISO 9000:2015, 3.2.1]

### 3.18

**Địa điểm** (Site)

Là nơi mà một tổ chức (3.17) hoặc một phần của một tổ chức thực hiện việc sản xuất, lưu trữ, kinh doanh và/ hoặc vận chuyển.

### 3.19

**Thuê ngoài** (Outsource)

Tạo ra sự sắp đặt trong đó một tổ chức (3.17) bên ngoài thực hiện một phần chức năng hoặc quá trình của tổ chức đó.

Chú thích: Một tổ chức bên ngoài là nằm ngoài chuỗi hành trình (3.1), mặc dù chức năng hoặc quá trình nằm trong phạm vi của chuỗi hành trình.

[Nguồn: ISO 19600:2014, 3.28, đã thay đổi – Chú thích này đã được làm cho phù hợp với chủ đề “chuỗi hành trình”]

### 3.20

**Nhà cung cấp** (Supplier)

Là tổ chức (3.17) cung cấp một sản phẩm hoặc dịch vụ.



Ví dụ: Nhà sản xuất, nhà phân phối, nhà bán lẻ hoặc nhà gia công một sản phẩm, hoặc nhà cung cấp một dịch vụ hoặc thông tin.

Chú thích 1: Một nhà cung cấp có thể nằm bên trong hoặc bên ngoài tổ chức.

Chú thích 2: Trong bối cảnh hợp đồng, một nhà cung cấp thường được gọi là “nhà thầu”.

[Nguồn: ISO 9000:2015, 3.2.5]

### 3.21

#### **Lãnh đạo cao nhất** (Top management)

Người hoặc nhóm người định hướng và kiểm soát một tổ chức (3.17) ở cấp cao nhất.

Chú thích 1: Lãnh đạo cao nhất có quyền đàm phán với nhà chức trách và cung cấp các nguồn lực trong khuôn khổ của tổ chức

Chú thích 2: Nếu phạm vi của hệ thống quản lý chỉ bao gồm một phần của tổ chức, thì lãnh đạo cao nhất chỉ những người định hướng và kiểm soát phần đó của tổ chức.

Chú thích 3: Thuật ngữ này là một trong những thuật ngữ chung và định nghĩa cốt lõi đối với các tiêu chuẩn hệ thống quản lý ISO được nêu trong Phụ lục SL, của tài liệu bổ sung hợp nhất. Phần 1. Chỉ thị của ISO/IEC.

[Nguồn: ISO 9000:2015, 3.1.1]

### 3.22

#### **Năng lực** (Competence)

Khả năng áp dụng các kiến thức và kỹ năng để đạt được các kết quả mong muốn.

[Nguồn: ISO 22301:2012, 3.9]

### 3.23

#### **Tài liệu** (Document)

Thông tin và phương tiện chứa đựng thông tin.

Ví dụ: Hồ sơ (3.24), quy định, tài liệu về quy trình, bản vẽ, báo cáo, tiêu chuẩn.

Chú thích 1: Phương tiện có thể là giấy, đĩa từ, đĩa điện tử, đĩa quang, ảnh, mẫu gốc, hoặc tổ hợp các dạng trên.

Chú thích 2: Tập hợp các tài liệu, ví dụ quy định và hồ sơ, thường được gọi là “hệ thống tài liệu”.

Chú thích 3: Một số yêu cầu (ví dụ như có thể đọc được) liên quan tới tất cả các loại tài liệu. Tuy nhiên có thể có các yêu cầu khác nhau đối với quy định (ví dụ yêu cầu đối với kiểm soát việc sửa đổi) và đối với hồ sơ (ví dụ yêu cầu có thể khôi phục lại)

[Nguồn: ISO 9000:2015, 3.8.5]

### 3.24

## **Hồ sơ (Record)**

Tài liệu (3.23) nêu kết quả đạt được hoặc cung cấp bằng chứng về các hoạt động được thực hiện.

Chú thích 1: Hồ sơ có thể được sử dụng để, ví dụ như cung cấp tư liệu thực hiện việc truy xuất nguồn gốc và để cung cấp bằng chứng về việc kiểm tra xác nhận, hành động phòng ngừa và hành động khắc phục.

Chú thích 2: Các hồ sơ nhìn chung cần được kiểm soát sửa đổi.

[Nguồn: ISO 9000:2015, 3.8.10, sửa đổi, trong Chú thích 1, “chính thức” được thay thế bằng “cung cấp tư liệu”, trong Chú thích 2, “không cần” được thay bằng “cần”]

## **3.25**

### **Rủi ro (Risk)**

Tác động của sự không chắc chắn lên mục tiêu.

[Nguồn: Hướng dẫn ISO 73:2009, 1.1, sửa đổi, các Chú thích đã bị xóa]

## **3.26**

### **Quản lý rủi ro (Risk management)**

Các hoạt động có phối hợp để định hướng và kiểm soát một tổ chức (3.17) về mặt rủi ro (3.25).

[Nguồn: Hướng dẫn ISO 73:2009, 2.1]

## **3.27**

### **Đánh giá rủi ro (Risk assessment)**

Quá trình tổng thể gồm nhận diện rủi ro (3.28), phân tích rủi ro (3.29) và định mức rủi ro (3.30).

[Nguồn: Hướng dẫn ISO 73:2009, 3.4.1]

## **3.28**

### **Nhận diện rủi ro (Risk identification)**

Quá trình tìm kiếm, nhận biết và mô tả rủi ro (3.25).

[Nguồn: Hướng dẫn ISO 73:2009, 3.5.1, sửa đổi, các Chú thích đã bị xóa]

## **3.29**

### **Phân tích rủi ro (Risk analysis)**

Quá trình tìm hiểu bản chất của rủi ro (3.25) và xác định mức rủi ro.

[Nguồn: Hướng dẫn ISO 73:2009, 3.6.1, sửa đổi, các Chú thích đã bị xóa]

## **3.30**

### **Định mức rủi ro (Risk evaluation)**

Quá trình so sánh kết quả phân tích rủi ro (3.29) với tiêu chí rủi ro (3.31) để xác định xem rủi ro

(3.25) và/ hoặc mức độ của rủi ro có thể chấp nhận hay chịu đựng được hay không.

[Nguồn: Hướng dẫn ISO 73:2009, 3.7.1, sửa đổi, Chú thích đã bị xóa]

### 3.31

#### Tiêu chí rủi ro (Risk criteria)

Điều khoản tham chiếu dựa vào đó xác định mức độ quan trọng của rủi ro (3.25).

[Nguồn: Hướng dẫn ISO 73:2009, 3.7.1, sửa đổi, các Chú thích đã bị xóa]

## 4 Các yêu cầu chung

Một tổ chức cần đáp ứng được các yêu cầu sau đây khi muốn chứng minh sự phù hợp với tiêu chuẩn này.

- a) Các quy trình quản lý liên quan tới tiêu chuẩn này phải được tài liệu hóa và phải bố trí đủ nguồn lực;
- b) Hồ sơ sẽ phải được cập nhật và cung cấp các bằng chứng rõ ràng, khách quan và có thể kiểm toán được về sự phù hợp theo các yêu cầu trong tiêu chuẩn này.
- c) Sự phù hợp với các yêu cầu đối với việc ghi lại các yêu cầu pháp lý, như quy định trong mục 5.3.2, phải được thể hiện.
- d) Hệ thống trách nhiệm giải trình, như quy định trong Mục 7, phải được thực hiện để đảm bảo chỉ các vật liệu được khai thác hợp pháp và vật liệu mua sắm hợp pháp mới có thể tham gia vào chuỗi hành trình.
- e) Thông tin đầu vào và thông tin đầu ra sẽ được cung cấp theo Mục 6 và Mục 9 của tiêu chuẩn này; và
- f) Các phương pháp kiểm soát theo Mục 8 phải được thiết lập và thực hiện như quy định trong tiêu chuẩn này.

## 5 Các yêu cầu đối với tổ chức

### 5.1 Yêu cầu chung

Tổ chức phải xác định ranh giới và khả năng áp dụng của hệ thống chuỗi hành trình của mình để thiết lập phạm vi. Phạm vi này sẽ phải có sẵn dưới dạng thông tin được tư liệu hóa.

Tổ chức sẽ phải thực hiện một hệ thống chuỗi hành trình đảm bảo rằng sẽ đáp ứng được các yêu cầu trong tiêu chuẩn này. Hệ thống này sẽ phải phù hợp với loại hình, phạm vi, quy mô và tính phức tạp của tổ chức và các hoạt động của mình.

Chú thích: Trong thực tiễn, việc thực hiện tại các tổ chức nhỏ và vừa có thể dẫn tới một nhân sự phải đảm nhận nhiều hơn 1 trách nhiệm.

### 5.2 Vai trò và trách nhiệm

#### 5.2.1 Năng lực và các yêu cầu của hệ thống chuỗi hành trình

Tổ chức sẽ phải:

- a) Xác định năng lực cần thiết đối với tất cả các nhân sự có liên quan có tác động đến chất lượng của hệ thống chuỗi hành trình của mình.
- b) Đảm bảo rằng những nhân sự này có năng lực dựa trên bằng cấp giáo dục, các khóa tập huấn, và/ hoặc kinh nghiệm phù hợp; và đánh giá hiệu quả tiến bộ của từng nhân viên có liên quan.
- c) Giữ các minh chứng về năng lực và bảo quản các hồ sơ tập huấn; và
- d) Đảm bảo rằng các yêu cầu có liên quan tới việc thực hiện hệ thống chuỗi hành trình được chia sẻ một cách hiệu quả giữa tất cả các nhân sự có liên quan và các nhà cung cấp có liên quan.

### **5.2.2 Lãnh đạo cao nhất**

Lãnh đạo cao nhất của tổ chức sẽ thiết lập và tài liệu hóa cam kết của mình nhằm thực hiện và duy trì các yêu cầu của chuỗi hành trình đáp ứng tiêu chuẩn này. Cam kết của tổ chức sẽ phải được công khai, cũng như tới nhân sự của tổ chức, các nhà cung cấp, các khách hàng và các bên liên quan khác.

Lãnh đạo cao nhất sẽ:

- a) Chịu trách nhiệm và có quyền để đảm bảo hệ thống chuỗi hành trình tuân thủ các yêu cầu của tiêu chuẩn này; và
- b) Bố trí nguồn lực đủ và phù hợp để thực hiện các cam kết của mình, bao gồm năng lực cần thiết, tập huấn cho nhân viên và giám sát việc thực hiện hệ thống chuỗi hành trình của tổ chức.

### **5.2.3 Quản lý**

Công tác quản lý việc thực hiện và duy trì hệ thống chuỗi hành trình theo phân công sẽ phải đảm bảo rằng tất cả nhân sự tham gia đều tuân thủ các yêu cầu của chuỗi hành trình có liên quan đến vị trí và trách nhiệm của mỗi người, và sẽ thực hiện một khuôn khổ để báo cáo các lo ngại, các vấn đề cũng như sự không tuân thủ đối với chuỗi hành trình này.

## **5.3 Tài liệu và hồ sơ**

### **5.3.1 Kiểm soát thông tin, tài liệu và hồ sơ**

Tổ chức sẽ phải thiết lập và duy trì các hồ sơ và tài liệu nhằm thể hiện sự tuân thủ đối với tất cả các yêu cầu có thể áp dụng trong tiêu chuẩn này.

Thông tin từ các tổ chức bên ngoài hoặc các bên liên quan được xem là cần thiết để lập kế hoạch, vận hành và quản lý chuỗi hành trình sẽ phải được xác định.

Đối với việc kiểm soát thông tin được tài liệu hóa, tổ chức sẽ phải xác định các việc sau:

- a) Phân phối, truy cập, lưu trữ và sử dụng;
- b) Duy trì tính bảo mật;
- c) Cất trữ và bảo quản, bao gồm bảo quản tính dễ xem;

- d) (Các) thay đổi phiên bản; và
- e) Thời gian lưu trữ và hủy bỏ (cân nhắc, ví dụ tính bảo mật)

Chú thích: Quyền truy cập có thể ngụ ý một quyết định liên quan đến việc chỉ cho phép xem thông tin trong tài liệu, hoặc cho phép và có quyền xem và thay đổi thông tin trong tài liệu.

Thời gian lưu trữ đối với tất cả các loại tài liệu và báo cáo, bao gồm các tài liệu liên quan đến việc mua sắm và kinh doanh, các hồ sơ tập huấn, số liệu sản xuất, sẽ phải là ít nhất 5 năm và sẽ do tổ chức quy định cụ thể.

### **5.3.2 Ghi lại các yêu cầu pháp lý**

Tổ chức sẽ phải thiết lập, thực hiện và duy trì 1 quy trình:

- Nhằm xác định các yêu cầu pháp lý có thể áp dụng cho chuỗi hành trình; và
- Nhằm xác định xem các yêu cầu này sẽ áp dụng như thế nào đối với chuỗi hành trình.

Tổ chức sẽ phải cung cấp tư liệu để cho thấy các yêu cầu pháp lý này được giải quyết như thế nào.

Chú thích: Hướng dẫn có thể được tìm thấy trong các phụ lục sau:

- Phúc lợi xã hội và việc làm (Phụ lục A)
- Môi trường (Phụ lục B)
- Thương mại và hải quan (Phụ lục C)

## **5.4 Thanh tra và kiểm soát**

### **5.4.1 Đánh giá nội bộ**

Tổ chức sẽ phải thực hiện đánh giá nội bộ theo từng thời điểm theo kế hoạch, ít nhất mỗi năm 1 lần, nhằm cung cấp thông tin về hệ thống chuỗi hành trình xem có:

- a) Đáp ứng
  - Các yêu cầu của tiêu chuẩn này không; và
  - Các yêu cầu riêng của tổ chức không; và
- b) Được thực hiện và duy trì không.

Tổ chức sẽ sử dụng các kết quả từ việc rà soát công tác quản lý (xem 5.4.3) và các vấn đề không tuân thủ (xem 5.4.2) được xác định từ các kết quả đánh giá trước làm cơ sở cho đánh giá nội bộ.

Chú thích 1: Đối với hầu hết các tổ chức, “khoảng thời gian giữa các lần đánh giá theo kế hoạch” được hiểu ít nhất là hàng năm. Tần suất đánh giá có thể cao hơn, phụ thuộc vào tính phức tạp của hệ thống được thiết lập.

Chú thích 2: Thông tin trong đánh giá nội bộ được nêu trong Phụ lục D.

Chú thích 3: Các hướng dẫn thực hiện đánh giá có thể tìm thấy trong tiêu chuẩn ISO 19011 (10).

### **5.4.2 Sự không phù hợp**

Tổ chức sẽ thiết lập và thực hiện các quy trình được tài liệu hóa nhằm xử lý sự không phù hợp có liên quan tới chuỗi hành trình của tổ chức. Tổ chức sẽ phải đảm bảo rằng các hành động khắc phục phù hợp được thực hiện trong khung thời gian xác định. Nếu phát hiện ra vật liệu đã được cung cấp cho khách hàng không phù hợp theo Hệ thống trách nhiệm giải trình (DDS, Mục 7), tổ chức cung cấp sẽ phải thông báo ngay lập tức tới tổ chức tiếp nhận về sự không phù hợp này và có hành động nhằm ngăn ngừa không để tái diễn. Sự không phù hợp cũng như hành động khắc phục phải được tài liệu hóa. Trong trường hợp có các sản phẩm không phù hợp, phải thông báo cho các khách hàng trực tiếp.

#### **5.4.2 Xem xét lại công tác quản lý**

Lãnh đạo cao nhất sẽ phải xem xét hệ thống chuỗi hành trình của tổ chức theo các khoảng thời gian dự kiến, ít nhất là hàng năm. Việc xem xét lại công tác quản lý phải được tài liệu hóa.

Việc xem xét lại công tác quản lý sẽ bao gồm các cân nhắc sau:

- a) Thực trạng các hành động từ các lần xem xét công tác quản lý trước đó
- b) Các thay đổi chính đối với các vấn đề nội bộ và bên ngoài, bao gồm, nhưng không giới hạn tới các xu hướng chính sau:
  - Sự không phù hợp và các phàn nàn;
  - Kết quả từ việc giám sát và đánh giá; và
  - Các kết quả kiểm toán (nội bộ và bên ngoài)

#### **5.5 Khiếu nại**

Tổ chức sẽ thiết lập và thực hiện các quy trình đã được tài liệu hóa để xử lý các khiếu nại liên quan đến chuỗi hành trình từ các nhà cung cấp, các khách hàng, và các bên có liên quan khác có liên quan tới chuỗi hành trình của tổ chức. Tổ chức sẽ đảm bảo rằng sẽ thực hiện các hành động sửa sai thích hợp. Các khiếu nại cũng như các hành động khắc phục sẽ phải được tài liệu hóa.

Khi tổ chức nhận được khiếu nại chính thức, tổ chức sẽ:

- a) Xác nhận tới người khiếu nại việc đã nhận được các khiếu nại trong khung thời gian do tổ chức xác lập.
- b) Thu thập và xác thực tất cả các thông tin cần thiết để đánh giá và xác nhận khiếu nại và phải đưa ra quyết định liên quan đến khiếu nại này; và
- c) Trao đổi về quyết định liên quan đến khiếu nại này, và cách mà sự việc này sẽ được giải quyết, với người khiếu nại trong khung thời gian do tổ chức xác định, và phải thỏa đáng với khiếu nại. Nếu không thể, tổ chức sẽ phải thông báo tới người khiếu kiện về lý do trì hoãn và kế hoạch giải quyết khiếu nại này.

Chú thích: Hướng dẫn chi tiết hơn có thể tìm thấy trong tiêu chuẩn ISO 10002 (2).

## 5.6 Thuê ngoài

Tổ chức sẽ phải chịu trách nhiệm đối với tất cả các thuê ngoài và các nhà thầu liên quan đến chuỗi hành trình của tổ chức. Chuỗi hành trình của tổ chức sẽ phải bao gồm việc gia công của các nhà thầu tham gia vào hoạt động sản xuất sản phẩm nằm trong phạm vi của chuỗi hành trình của tổ chức, nằm trong hoặc ngoài địa điểm sản xuất.

Tổ chức sẽ phải thiết lập các thỏa thuận thuê ngoài bằng văn bản với tất cả các nhà thầu có liên quan. Thỏa thuận này sẽ phải cho phép tổ chức hoặc người đại diện của tổ chức được truy nhập vào hoạt động của nhà thầu để đảm bảo rằng các yêu cầu có liên quan tới chuỗi hành trình và các yêu cầu của tiêu chuẩn này sẽ được đáp ứng.

Tổ chức sẽ phải đảm bảo rằng nhà thầu có một hệ thống kiểm soát được tài liệu hóa, đảm bảo rằng vật liệu có liên quan tới hệ thống chuỗi hành trình của tổ chức có thể được xác định một cách rõ ràng trong suốt quá trình thuê ngoài.

## 6 Vật liệu đầu vào

### 6.1 Các hạng vật liệu đầu vào

Tất cả các loại vật liệu đầu vào thu được sẽ phải được tổ chức ghi chép và phân loại theo 4 hạng sau dựa trên các tài liệu có liên quan tới từng loại vật liệu đầu vào. Nếu vật liệu đầu vào không đáp ứng bất cứ hạng đầu vào nào, nó sẽ bị loại trừ khỏi chuỗi hành trình. Bốn hạng vật liệu đầu vào gồm:

- Được chứng nhận (xem 3.9)
- Được chỉ định cụ thể (xem 3.10)
- Được xác thực (xem 3.11)
- Được tái sử dụng (3.12)

Đối với được chỉ định cụ thể, tổ chức hoặc nhóm các tổ chức có thể xây dựng các yêu cầu riêng của mình, và sẽ phải được công bố công khai. Các yêu cầu đối với vật liệu được chỉ định cụ thể sẽ không được tham chiếu đến một chương trình chứng nhận cụ thể hoặc nhãn hiệu của chúng mà không có sự đồng thuận của người sở hữu chương trình chứng nhận đó. Vật liệu đầu vào có thể là một trong bất kỳ hạng nào cho tới khi các yêu cầu cụ thể vẫn được đáp ứng.

Tất cả các vật liệu đầu vào nằm trong phạm vi của chuỗi hành trình của tổ chức sẽ được đánh giá theo Hệ thống trách nhiệm giải trình được mô tả trong Mục 7.

### 6.2 Xác định và chấp nhận vật liệu đầu vào

Tổ chức sẽ thiết lập và thực hiện một quy trình xác định và chấp nhận tất cả các vật liệu đầu vào. Tổ chức sẽ đề nghị nhà cung cấp cung cấp bất cứ thông tin thay đổi nào gắn liền với thông số kỹ thuật vật liệu đầu vào đã được thỏa thuận.

VÍ DỤ: Thông tin đề nghị có thể được cung cấp thông qua bản tự khai hoặc thỏa thuận hợp đồng với nhà cung cấp.

Đối với tất cả các vật liệu đầu vào, tổ chức sẽ thu thập các thông tin cần thiết từ nhà cung cấp để thực hiện trách nhiệm giải trình nhằm đảm bảo rằng vật liệu đầu vào có thể được xác định và phân hạng một cách chính xác. Hóa đơn và/ hoặc các giấy tờ giao nhận của mỗi đợt chuyển vật liệu đầu vào sẽ phải bao gồm tối thiểu các thông tin sau:

Chú thích: Thông tin này cũng có thể được nhận bằng các cách khác, bao gồm các văn bản điện tử.

- a) Tên của tổ chức là khách hàng mua vật liệu này;
- b) Tên nhà cung cấp và địa chỉ;
- c) Số lượng giao nhận của mỗi loại sản phẩm được ghi trong tài liệu này;
- d) Ngày giao nhận;
- e) Nếu vật liệu đầu vào có loại GMO, điều này sẽ phải được chỉ rõ theo mục 4 e);
- f) Mức độ bảo đảm của thông tin đầu vào [Bên thứ nhất (ví dụ bản tự khai), bên thứ hai (ví dụ đánh giá của khách hàng) hoặc bên thứ ba (ví dụ chứng nhận)]; và
- g) Quá trình/ phương pháp chuỗi hành trình, nếu có, được sử dụng để xử lý vật liệu trong suốt tổ chức.

Nếu có một yêu sách đối với đầu vào được chứng nhận từ một chương trình chứng nhận cụ thể, thông tin sẽ phải tuân thủ các yêu cầu của chương trình chứng nhận đó.

## **7 Hệ thống trách nhiệm giải trình**

### **7.1 Các yêu cầu chung**

Tổ chức sẽ thiết lập và thực hiện Hệ thống trách nhiệm giải trình (DDS) nhằm xác thực thông tin liên quan đến đặc tính của tất cả các vật liệu đầu vào. Quá trình này sẽ được sử dụng để bao gồm hoặc loại bỏ vật liệu đầu vào dựa trên các yêu cầu đã được quy định.

DDS dựa trên các kỹ thuật quản lý rủi ro nhằm giảm thiểu rủi ro là vật liệu đầu vào không tuân thủ các yêu cầu theo các mục 7.2, 7.3 và 7.4. Đối với bất kỳ yêu cầu bổ sung nào do tổ chức quy định, các quy trình sẽ phải được thiết lập. Các yêu cầu này sẽ phải được công bố công khai. Trách nhiệm giải trình yêu cầu tổ chức phải thu thập thông tin về vật liệu đầu vào nhằm thực hiện việc đánh giá rủi ro đầy đủ, và, nếu cần thiết, thực hiện giảm thiểu rủi ro.

Tổ chức sẽ phải thực hiện DDS theo 3 bước sau:

- a) Thông tin bắt buộc (xem 7.2, 7.3 và 7.4)
- b) Quá trình đánh giá rủi ro (xem 7.5)
- c) Giảm thiểu rủi ro (xem 7.6)

### **7.2 Thông tin chung bắt buộc**

Các thông tin sau liên quan đến vật liệu đầu vào sẽ phải được thu thập để xác định rủi ro có liên quan (xem 7.5):



- a) Mô tả loại sản phẩm, bao gồm tên thương mại;
  - b) Tên thường gọi của loại gỗ - hoặc loại gỗ tiềm năng trong trường hợp vật liệu đầu vào gồm hỗn hợp các loại gỗ - và, nếu cần thiết phải khẳng định việc giám định tên, tên khoa học đầy đủ;
  - c) (Các) Nước mà gỗ được khai thác, và nếu cần thiết:
    - Vùng theo từng quốc gia; và/ hoặc;
    - Khu vực được cấp phép khai thác;
  - d) Số lượng (thể hiện theo thể tích, khối lượng hoặc số lượng các đơn vị);
  - e) Tên và địa chỉ của (các) nhà cung cấp vật liệu đầu vào cho tổ chức;
  - f) Bằng chứng về việc đáp ứng các yêu cầu pháp lý hiện hành, bao gồm việc áp dụng cho vật liệu được khai thác hợp pháp; và
- Chú thích 1: Hướng dẫn liên quan đến vật liệu khai thác hợp pháp được nêu trong Phụ lục E.
- g) Thông tin nếu có vật liệu đầu vào có bao gồm GMO (không áp dụng đối với vật liệu tái sử dụng mà không biết có GMO hay không)

Hệ thống DDS sẽ được thực hiện trước khi vật liệu được sử dụng và được lặp lại hàng năm hoặc khi có bất cứ thông tin nào thay đổi.

Nếu vật liệu được cung cấp bởi 1 tổ chức mà đã phù hợp với các yêu cầu theo tiêu chuẩn này, thì vật liệu này có thể được chấp nhận bởi tổ chức tiếp nhận như hạng mục đã được công bố mà không cần phê chuẩn công nhận thêm.

Thông tin được đề cập trong mục b), c) và f) ở trên và đánh giá rủi ro như mô tả trong tiểu mục 7.5 là không bắt buộc đối với vật liệu tái sử dụng và vật liệu chứng nhận nếu đáp ứng các yêu cầu của tiểu mục 7.3 hoặc 7.4, tùy mục nào phù hợp.

### **7.3 Thông tin bắt buộc đối với vật liệu tái sử dụng**

Đối với vật liệu được khai là vật liệu tái sử dụng, tổ chức sẽ xác thực thông tin liên quan đến bản chất tái sử dụng của vật liệu đầu vào mà nhà cung cấp khai.

Tổ chức sẽ thu thập bằng chứng rằng vật liệu đầu vào thực sự là vật liệu đã được tái sử dụng và rằng nó đã được mua sắm hợp pháp.

### **7.4 Thông tin bắt buộc đối với vật liệu được chứng nhận**

Đối với vật liệu được chứng nhận, tổ chức sẽ xác thực thông tin liên quan đến chương trình chứng nhận để xác nhận rằng:

- Các tổ chức chứng nhận là độc lập;
- Chương trình chứng nhận có những yêu cầu để đánh giá tính hợp pháp trong quản lý rừng, với phạm vi đủ rộng để bao hàm cả các yêu cầu DDS do tổ chức lập ra; và
- Chương trình chứng nhận có các yêu cầu về chuỗi hành trình liên quan đến sản phẩm.

Chú thích: Đối với vật liệu do người khai thác cung cấp, sẽ không bắt buộc phải có chuỗi hành trình được chứng nhận.

## 7.5 Quá trình đánh giá rủi ro

Tổ chức sẽ thiết lập các quy trình đánh giá rủi ro cho phép tổ chức phân tích và đánh giá rủi ro của các vật liệu hoặc sản phẩm khai thác bất hợp pháp hoặc mua sắm bất hợp pháp có mặt trên thị trường.

Sử dụng thông tin thu nhận được từ mục 7.2, tổ chức sẽ thực hiện đánh giá rủi ro trên cơ sở các tiêu chí rủi ro có liên quan bao gồm:

- Bằng chứng đáp ứng các yêu cầu pháp luật hiện hành, mà có thể bao gồm chứng nhận hoặc bằng chứng tuân thủ theo chương trình chứng nhận bên thứ ba khác mà thể hiện rằng các yêu cầu pháp luật hiện hành được đáp ứng;
- Sự phổ biến của việc khai thác bất hợp pháp loại gỗ nhất định bị hạn chế hoặc giới hạn bởi CITES [17] hoặc danh sách hiện hành các quốc gia khai thác bất hợp pháp;
- Sự phổ biến của việc khai thác bất hợp pháp hoặc thực hành tại nước khai thác và/ hoặc khu vực tiểu quốc gia nơi vật liệu đó đã được khai thác, bao gồm cả việc xem xét đến sự phổ biến của xung đột có vũ trang;
- Các lệnh trừng phạt thương mại chính thức áp đặt lên việc nhập khẩu và xuất khẩu vật liệu; và
- Tính phức tạp của chuỗi cung ứng của vật liệu.

Chú thích 1: Tính phức tạp của chuỗi cung ứng có thể bao gồm:

- Các mắt xích khác nhau trong chuỗi cung ứng;
- Các quá trình biến đổi mà sản phẩm đã đi qua và tổ chức có tham gia;
- Các nước mà vật liệu đã được vận chuyển qua; và
- Chi tiết đối với bất kỳ phối trộn vật liệu đầu vào nào cũng như nước xuất xứ của chúng. Ví dụ, bột giấy từ một số nước khác nhau và từ một số nhà cung cấp khác nhau có thể có trong sản phẩm cuối cùng.

Tiêu chí rủi ro sẽ được chia nhỏ thành các chỉ tiêu do tổ chức quy định. Các chỉ tiêu này sẽ giúp xác định xem chuỗi cung ứng có tính rủi ro cao hay thấp.

Chú thích 2: Ví dụ về các chỉ tiêu rủi ro cao và thấp được nêu trong Phụ lục F.

Chú thích 3: Đối với vật liệu đầu vào tái chế, xem 7.3.

Đánh giá rủi ro phải được tư liệu hóa. Nếu không thể kết luận là rủi ro thấp, áp dụng 7.6.

## 7.6 Giảm thiểu rủi ro

Ngoại trừ các rủi ro thấp được xác định khi áp dụng quy trình đánh giá rủi ro được đề cập trong mục 7.5; các quy trình giảm thiểu rủi ro sẽ được áp dụng. Các quy trình này bao gồm một bộ các biện

pháp và các quy trình đủ và thích hợp để giảm thiểu rủi ro một cách hiệu quả. Chúng có thể bao gồm yêu cầu các thông tin hoặc tài liệu bổ sung và/ hoặc chứng nhận của bên thứ ba để đảm bảo tính hợp pháp của vật liệu đầu vào. Tổ chức sẽ cung cấp tư liệu và lưu giữ hồ sơ tất cả các biện pháp được thực hiện. Nếu rủi ro không được giảm thiểu một cách hiệu quả thì vật liệu sẽ không được chấp nhận là vật liệu đầu vào.

## 8 Các phương pháp kiểm soát chuỗi hành trình

### 8.1 Bộ nguyên tắc và các yêu cầu

Chuỗi hành trình sẽ được thực hiện sử dụng các phương pháp kiểm soát sau:

- a) Phân tách vật lý (xem 8.2)
- b) Tỷ lệ phần trăm (xem 8.3)
  - Tỷ lệ phần trăm đơn;
  - Tỷ lệ phần trăm trung bình dao động
- c) Tín dụng (xem 8.4)

Tổ chức sẽ thiết lập và thực hiện một hoặc nhiều phương pháp cho tất cả các sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm được nêu trong tiêu chuẩn này. Các quy trình sẽ phải bao gồm một lượng vật liệu đầu vào và vật liệu đầu ra được sử dụng để sản xuất và, khi có thể áp dụng, các hệ số chuyển đổi trong một giai đoạn do tổ chức xác định.

Tổ chức đã được chứng nhận theo một chương trình chứng nhận cụ thể và muốn khai rằng đầu ra đạt được chứng nhận theo chương trình chứng nhận này cần phải tuân thủ các yêu cầu của chương trình đó, và có thể bao gồm việc sử dụng một hoặc một số phương pháp theo định nghĩa và các thông số kỹ thuật của riêng nó.

### 8.2 Phương pháp phân tách vật lý

Phương pháp phân tách vật lý đảm bảo rằng liên kết giữa vật liệu đầu vào và đầu ra của một hạng vật liệu cụ thể sẽ không bị đứt gãy trong suốt toàn bộ các công đoạn của quá trình sản xuất.

Tổ chức áp dụng phương pháp phân tách vật lý sẽ đảm bảo rằng sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm và các hạng được phân tách hoàn toàn hoặc có thể xác định một cách rõ ràng trong suốt toàn bộ các công đoạn của quá trình sản xuất và/ hoặc các quá trình kinh doanh, như mô tả trong ví dụ ở Hình G.1.

Điều này sẽ có thể đạt được bằng cách:

- a) Phân tách vật lý về mặt sản xuất và không gian cất trữ; hoặc
- b) Phân tách vật lý về mặt thời gian; hoặc
- c) Xác định rõ vật liệu/ các sản phẩm trong quá trình sản xuất.

### 8.3 Phương pháp tỷ lệ phần trăm

#### 8.3.1 Tổng quát

Hai phương pháp kiểm soát dựa vào tỷ lệ phần trăm mỗi loại vật liệu đầu vào khi trộn hai hoặc nhiều vật liệu đầu vào từ các hạng đầu vào khác nhau:

- Tỷ lệ phần trăm đơn; và
- Tỷ lệ phần trăm trung bình dao động

Sự khác biệt chính giữa phương pháp tỷ lệ phần trăm đơn và tỷ lệ phần trăm trung bình dao động là phương pháp đầu được sử dụng đối với một hỗn hợp vật liệu đã được xác định và được phản ánh ở mỗi bộ phận của sản phẩm. Tỷ lệ giữa các vật liệu đầu vào, dựa trên việc sử dụng các hệ số quy đổi thích hợp, được phản ánh trong tất cả các đầu ra ở tất cả các thời điểm.

Phương pháp tỷ lệ phần trăm trung bình dao động chủ yếu thường được sử dụng khi không thể nhận được cùng một lượng vật liệu thuộc một hạng nhất định trên cơ sở định kỳ.

### **8.3.2 Phương pháp tỷ lệ phần trăm đơn**

Phương pháp tỷ lệ phần trăm đơn trộn hỗn hợp các hạng vật liệu, theo cách mà tỷ lệ của mỗi hạng vật liệu trộn hỗn hợp với nhau trong đầu ra giống với tỷ lệ này trong đầu vào.

Như nêu trong ví dụ ở Hình G.2, phương pháp tỷ lệ phần trăm đơn yêu cầu việc tách vật liệu thành các mẻ vật lý riêng lẻ. Phương pháp này cũng cung cấp sự linh hoạt trong việc mô tả vật liệu đầu ra theo cách phù hợp với tổ chức.

### **8.3.3 Phương pháp tỷ lệ phần trăm trung bình dao động**

Phương pháp tỷ lệ phần trăm trung bình dao động dựa trên việc sử dụng một tỷ lệ dao động hạng vật liệu nhất định đưa vào tổ chức qua 1 giai đoạn khai báo xác định, cho phép khai báo một tỷ lệ phần trăm trung bình được dùng để sản xuất sản phẩm/ đầu ra trong suốt giai đoạn khai báo đó.

Tổ chức sẽ tính toán tỷ lệ phần trăm trung bình của vật liệu ở một hạng xác định cho mỗi loại sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm. Đối với mỗi loại sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm, tổ chức sẽ xác định hai giai đoạn khai báo, sẽ phản ánh đầu vào trong mối quan hệ với đầu ra, được minh họa trong ví dụ ở Hình G.3. Thời gian giữa giai đoạn khai báo đầu vào và đầu ra này sẽ không được quá 12 tháng.

## **8.4 Phương pháp tín dụng**

Phương pháp tín dụng này có thể áp dụng khi có hai hoặc nhiều hạng vật liệu đầu vào được sử dụng cho một sản phẩm hoặc một nhóm sản phẩm. Lượng đầu ra được ghi nhận của mỗi hạng sẽ tương đương với đầu vào vật lý, khi tính tới hệ số quy đổi.

Hệ số quy đổi sẽ được xác định trong một sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm tại mỗi địa điểm và nó sẽ được áp dụng để xác định lượng tín dụng bổ sung vào trong tài khoản tín dụng, khi sử dụng sản phẩm hoàn thiện làm căn cứ để tính toán, hoặc rút tín dụng khi sử dụng nguyên liệu thô làm căn cứ để tính toán.

Cân bằng tài khoản tín dụng được tính cho mỗi giai đoạn theo một trong những công thức sau:

Công thức 1: được áp dụng khi hệ số quy đổi được áp dụng trước khi vật liệu vào tài khoản:

$$C_b = C_{bp} + (M_{in} \times r) - M_0 - M_{ex} \quad (1)$$

Công thức 2: được áp dụng khi hệ số quy đổi được áp dụng khi vật liệu rời khỏi tài khoản:

$$C_b = C_{bp} + M_{in} - M_{ex} - (M_0/r) \quad (2)$$

Trong đó:

$C_{bp}$  Số dư tín dụng vào thời điểm cuối của giai đoạn trước (đơn vị, thể tích hoặc khối lượng)

$C_b$  Số dư tín dụng (đơn vị, thể tích hoặc khối lượng)

$M_{in}$  Vật liệu mua sắm, vào tài khoản tín dụng (đơn vị, thể tích hoặc khối lượng)

$M_{ex}$  Vật liệu hết hạn do lâu hơn 24 tháng (đơn vị, thể tích hoặc khối lượng)

$M_0$  Vật liệu bán, giảm từ tài khoản tín dụng (đơn vị, thể tích hoặc khối lượng)

$r$  Hệ số quy đổi

Đối với mỗi sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm, tổ chức sẽ phải thiết lập và duy trì tài khoản tín dụng cho mỗi hạng và được sử dụng là tuyên bố đầu vào.

Tổ chức sẽ đảm bảo rằng tài khoản tín dụng này sẽ không bị thiếu chi.

Tổ chức sử dụng phương pháp tín dụng được quy định trong mục này sẽ khấu trừ từ tài khoản tín dụng lượng tín dụng tương ứng với đầu ra, lên tới, nhưng không vượt quá, hạn mức của tài khoản tín dụng.

Tổ chức sẽ không được tích lũy hơn số tín dụng trong tài khoản tín dụng hơn tổng lượng tín dụng mới được thêm vào trong giai đoạn 24 tháng trước.

Tín dụng lâu hơn 24 tháng sẽ hết hạn và sẽ bị giảm từ tài khoản tín dụng tại thời điểm bắt đầu của tháng tiếp theo.

Chú thích: Các ví dụ trong Hình G.4 và Hình G.5 được thiết kế nhằm minh họa nguyên tắc của phương pháp tín dụng. Các kịch bản phức tạp hơn khác cũng có thể được sử dụng trong thực tiễn.

## 9 Thông tin đầu ra

### 9.1 Thông tin chung

Mục này mô tả cách truyền tải thông tin đầu ra liên quan đến vật liệu tới tổ chức tiếp theo trong chuỗi hành trình. Thông tin đầu ra sẽ được truyền tải tới tổ chức tiếp theo và bao gồm các hạng mục vật liệu và các phương pháp dùng để xử lý dòng vật liệu xuyên suốt tổ chức.

Chỉ dựa vào riêng tài liệu này thì sẽ không thể thực hiện được các khai báo sản phẩm.

### 9.2 Các hạng mục đầu ra

Tổ chức sẽ xác định các hạng mục đầu ra dựa trên các hạng mục đầu vào được quy định trong tiểu mục 6.1 và các phương pháp thực hiện trong chuỗi hành trình, như quy định trong mục 8.

Không có vật liệu/ sản phẩm đầu ra nào sẽ được xếp hạng là “được chứng nhận” trừ khi đầu ra này được cho là thuộc một chương trình chứng nhận nhất định theo các quy định của nó và người sở

hữu của chương trình này cấp chứng nhận để khai báo chứng nhận.

### 9.3 Thông báo vật liệu đầu ra

Tổ chức sẽ thiết lập và thực hiện một quy trình để xác định và kiểm soát tất cả các vật liệu đầu ra. Đối với tất cả các vật liệu đầu ra, tổ chức sẽ cung cấp tới khách hàng các thông tin cần thiết để xác định và xếp hạng vật liệu đầu ra. Hóa đơn và/ hoặc các giấy tờ giao nhận có liên quan tới việc giao nhận vật liệu đầu ra sẽ phải bao gồm các thông tin sau:

Chú thích: Thông tin này có thể cũng sẽ được cung cấp bằng các cách khác, bao gồm các tài liệu điện tử.

- a) Tên của khách hàng là người mua vật liệu đó;
- b) Tên tổ chức và địa chỉ;
- c) Mô tả vật liệu đầu ra bao gồm hạng vật liệu, theo các tiểu mục 6.1 và 9.2;
- d) Số lượng giao của mỗi sản phẩm được nêu trong tài liệu này;
- e) Ngày giao nhận;
- f) Nếu đầu ra bao gồm GMO, điều này sẽ phải được tuyên bố theo tiểu mục 4 e);
- g) Mức đảm bảo thông tin đầu ra: bên thứ nhất (ví dụ tự tuyên bố), bên thứ hai (ví dụ đánh giá của khách hàng) hoặc bên thứ ba (ví dụ chứng nhận);
- h) Phương pháp kiểm soát chuỗi hành trình được sử dụng để xử lý vật liệu trong nội bộ tổ chức theo Mục 8 của tiêu chuẩn này; và
- i) Tất cả các tuyên bố đầu ra được làm trên cơ sở của tiêu chuẩn này sẽ phải dùng form sau, đã tuyên bố hoàn toàn, không sử dụng từ tiết tắt:

<Tên vật liệu đầu ra (tùy chọn)>,<tỷ lệ phần trăm, nếu có thể áp dụng><hạng>, nếu có thể áp dụng <bao gồm GMO>,<(các) phương pháp>, đánh giá của bên <thứ nhất>,<thứ hai>,<thứ ba>, ISO 38200:2018.

VÍ DỤ: Bột giấy, 50% tái chế và 50% xác thực, phương pháp tỷ lệ phần trăm, đánh giá của bên thứ nhất, ISO 38200:2018.

Nếu các yêu cầu của tiểu mục 9.2 được đáp ứng và hạng vật liệu đầu ra được chứng nhận, thông tin bổ sung sau phải được bao gồm và xác thực:

- Nếu khai báo đầu ra được chứng nhận, tổ chức sẽ phải tuân thủ các yêu cầu của chương trình chứng nhận đó.
- Tổ chức sẽ phải có được sự phê duyệt của chương trình chứng nhận để tham chiếu tới chương trình đó.

### 9.4 Sử dụng nhãn hiệu

Bất cứ tổ chức nào sử dụng nhãn hiệu, chẳng hạn như lôgô, nhãn mác và tên thương hiệu sẽ phải chứng minh rằng mình đã được phép của chủ sở hữu nhãn hiệu hoặc của người đại diện.

**Phụ lục A**  
(Tham khảo)  
**Phúc lợi xã hội và việc làm**

Phụ lục này gồm các hướng dẫn liên quan đến tiểu mục 5.3.2.

Trong khuôn khổ chuỗi hành trình, luật pháp liên quan đến phúc lợi xã hội và việc làm giải quyết các vấn đề sau, nhưng không giới hạn:

- a) Người lao động bị ngăn cản tự do lập hội, lựa chọn người đại diện cho mình, và đàm phán tập thể với nhà tuyển dụng;
- b) Sử dụng lao động cưỡng bức;
- c) Sử dụng người lao động, có tuổi dưới tuổi hợp pháp tối thiểu, tuổi 15, hoặc tuổi bắt buộc đến trường, tùy trường hợp nào cao hơn.
- d) Người lao động bị từ chối các cơ hội việc làm và đối xử bình đẳng; và
- e) Các điều kiện làm việc gây nguy hiểm đến an toàn và sức khỏe.

**Phụ lục B**  
(Tham khảo)  
**Môi trường**

Phụ lục này gồm các hướng dẫn liên quan đến tiêu mục 5.3.2.

Trong khuôn khổ chuỗi hành trình, luật pháp áp dụng nhằm bảo vệ môi trường giải quyết các vấn đề sau, nhưng không giới hạn:

- Quản lý đa dạng sinh học và môi trường sống tự nhiên;
- Ô nhiễm không khí, nước và đất, bao gồm quản lý các phế thải nguy hại;
- Khí gây hiệu ứng nhà kính (GHG);
- Hiệu quả tài nguyên; và
- Quản lý rủi ro và phản ứng khẩn cấp.



**Phụ lục C**  
(Tham khảo)  
**Thương mại và hải quan**

Phụ lục này gồm các hướng dẫn liên quan đến tiểu mục 5.3.2.

Trong khuôn khổ chuỗi hành trình, luật pháp áp dụng đối với thương mại và hải quan bao gồm, nhưng không giới hạn:

- Lệnh cấm, hạn mức và các hạn chế khác đối với việc xuất khẩu vật liệu và các sản phẩm từ chúng (ví dụ lệnh cấm xuất khẩu các loài được bảo vệ);
- Các yêu cầu về giấy phép xuất khẩu vật liệu;
- Nhà chức trách mà thực thể xuất khẩu hoặc nhập khẩu vật liệu có thể yêu cầu (ví dụ xử lý sản phẩm gỗ để ngăn không bị sâu bệnh tấn công); và
- Thuế và các nghĩa vụ áp dụng đối với xuất khẩu vật liệu.

**Phụ lục D**  
(Tham khảo)  
**Đánh giá nội bộ**

Mục đích của đánh giá nội bộ là nhằm xác định xem mức độ đáp ứng các yêu cầu theo tiêu chuẩn này cũng như hiệu quả áp dụng của chúng.

Đánh giá nội bộ cần xem xét các vấn đề sau:

- a) Lập kế hoạch, thiết lập và thực hiện chương trình đánh giá (bao gồm tần suất, trách nhiệm và báo cáo) để đánh giá tính hiệu quả của hệ thống chuỗi hành trình;
- b) Xác định các điều khoản tham chiếu và phạm vi của mỗi lần đánh giá;
- c) Xác định tầm quan trọng tương đối của các quy trình chính trong lập kế hoạch đánh giá;
- d) Đảm bảo tính khách quan và tính công bằng của quá trình đánh giá;
- e) Đảm bảo các kết quả đánh giá sẽ được báo cáo đến các cán bộ có liên quan và các hành động khắc phục sẽ được thực hiện.
- f) Giữ lại các minh chứng đã được tài liệu hóa của mỗi lần đánh giá; các kết quả và mọi hành động khắc phục được thực hiện
- g) Đảm bảo việc đánh giá bao trùm mọi hoạt động do các nhà thầu phụ thực hiện; và
- h) Đảm bảo việc đánh giá bao trùm mọi hoạt động nơi hệ thống chuỗi hành trình được thực hiện bao gồm mọi hoạt động thuê ngoài.

VÍ DỤ: Đối với một xưởng xe gỗ nhỏ, các bước có thể được xử lý như sau (tương ứng với các mục từ a) đến h) ở trên):

- a) Giám đốc điều hành xưởng xe chỉ định 1 người chịu trách nhiệm thực hiện đánh giá nội bộ hàng năm và báo cáo lại với mình;
- b) và c): một số xưởng xe nhỏ hợp tác liên quan đến định dạng báo cáo đánh giá nội bộ, với sự hỗ trợ từ một tổ chức thương mại;
- d) Người chịu trách nhiệm đánh giá nội bộ có 1 người từ tổ chức thương mại làm việc cùng để đảm bảo tính trung lập.
- e) Người chịu trách nhiệm đánh giá nội bộ báo cáo tới giám đốc điều hành của xưởng xe, người đảm bảo các hành động khắc phục sẽ được thực hiện.
- f) Định dạng báo cáo đánh giá nội bộ được tài liệu hóa và giám đốc điều hành xưởng xe cung cấp tài liệu liên quan đến các hành động khắc phục được thực hiện;
- g) và h): được áp dụng trong suốt toàn bộ quy trình.

**Phụ lục E**  
(Tham khảo)  
**Hướng dẫn liên quan đến vật liệu khai thác hợp pháp**

Khi đề cập tới vật liệu khai thác hợp pháp, luật pháp áp dụng nhằm giải quyết các vấn đề như, nhưng không giới hạn bởi:

- Quyền đối với vật liệu khai thác trong ranh giới được công bố hợp pháp;
- Chi trả quyền khai thác vật liệu bao gồm cả nghĩa vụ liên quan đến khai thác vật liệu đó;
- Pháp luật về rừng và môi trường, bao gồm cả quản lý rừng và bảo tồn đa dạng sinh học, trực tiếp liên quan tới việc khai thác vật liệu;
- Quyền hợp pháp của bên thứ ba liên quan đến việc sử dụng và thời gian hưởng chịu tác động bởi việc khai thác vật liệu; và
- Thương mại và hải quan, trong phạm vi ngành lâm nghiệp có liên quan.

**Phụ lục F**  
(Tham khảo)  
**Các ví dụ về chỉ số rủi ro thấp và cao**

Chú thích: Người sử dụng được nhắc nhở rằng, theo các yêu cầu của tiểu mục 7.5, đánh giá rủi ro phải được tài liệu hóa. Nếu không thể kết luận là rủi ro thấp thì áp dụng quy định tại mục 7.6.

**F.1 Các chỉ số rủi ro thấp**

a) Đầu vào khi giao cần kèm theo khai báo của nhà cung cấp cùng với chứng nhận quản lý rừng/chuỗi hành trình.

VÍ DỤ: Chứng nhận bởi PEFC, Nguồn kiểm soát PEFC, Chứng nhận bởi FSC, Gỗ có kiểm soát FSC, Tiêu chuẩn quản lý rừng SFI, Tiêu chuẩn tìm nguồn cung ứng sợi của SFI.

b) Hàng cung cấp được chứng nhận bởi các cơ chế cấp phép hoặc chứng nhận của Chính phủ hoặc phi chính phủ khác ngoài chương trình chứng nhận rừng tập trung vào việc chứng thực khai thác hợp pháp hoặc mua sắm hợp pháp.

VÍ DỤ: Giấy phép FLEGT.

c) Hàng cung cấp tuân thủ các quy định của CITES.

d) Thực thi luật pháp liên quan đến khai thác tại nước/ vùng xuất xứ.

e) Cấp cao về quản trị rừng và thực thi pháp luật tại nước xuất xứ.

f) Giấy phép khai thác, với điều kiện là các quy trình thực hiện để xin giấy phép là minh bạch, hợp pháp và công khai.

g) Tuân thủ pháp luật về thương mại và hải quan, trong phạm vi ngành lâm nghiệp có liên quan.

h) Thanh toán các loại thuế và thuế tài nguyên.

**F.2 Các chỉ số rủi ro cao**

a) Nhận thức về tham nhũng liên quan đến việc cấp phép hoặc ban hành giấy phép khai thác và các phạm vi khác của việc thực thi pháp luật liên quan đến khai thác và thương mại gỗ.

VÍ DỤ: Chỉ số nhận thức tham nhũng (CPI) [18] của nước xuất xứ, do Tổ chức minh bạch quốc tế (TI) giới thiệu.

b) Sự phổ biến của xung đột vũ trang tại nước/ vùng xuất xứ.

c) Minh chứng về việc vi phạm luật pháp của bất cứ công ty nào trong chuỗi cung ứng.

d) Sự phổ biến của việc khai thác hoặc thực hành bất hợp pháp tại nước/ vùng xuất xứ.

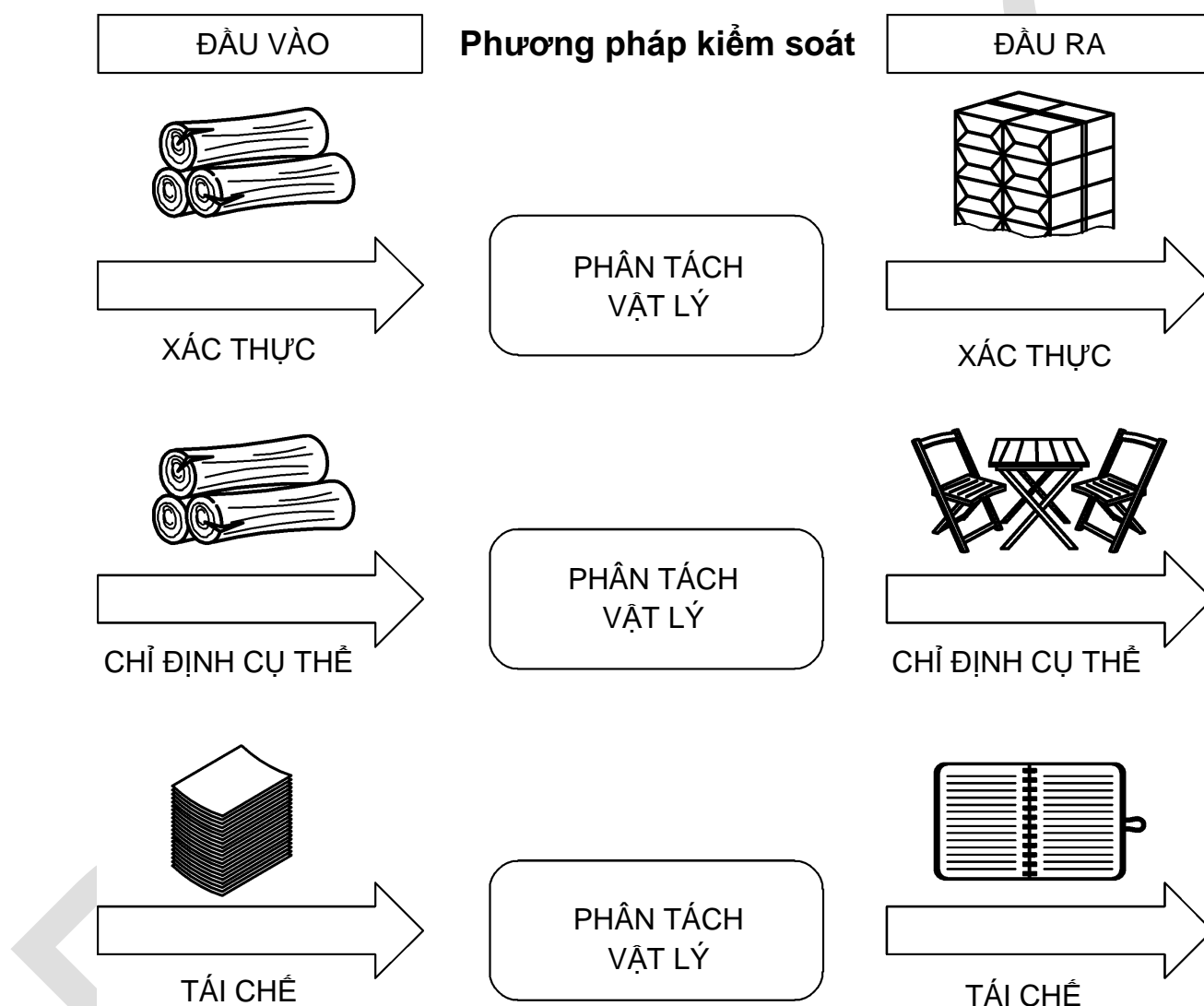
e) Chuỗi cung ứng phức tạp từ nước xuất xứ.

f) Không cung cấp bằng chứng về sự tuân thủ các quy định pháp luật về thương mại và hải quan.

**Phụ lục G**  
(Tham khảo)  
**Các ví dụ về phương pháp chuỗi hành trình**

**G.1 Phương pháp phân tách vật lý**

Trong phương pháp phân tách vật lý, mỗi hạng vật liệu được tách hoàn toàn hoặc có thể xác định rõ ràng trong suốt các công đoạn của quá trình sản xuất và/ hoặc quá trình thương mại, như minh họa trong ví dụ tại Hình G.1



Hình G.1 – Phương pháp phân tách vật lý

**G.2 Phương pháp tỷ lệ phần trăm đơn**

Trong Hình G.2, ví dụ đầu tiên của phương pháp tỷ lệ phần trăm đơn, đầu vào có 10 tấn vật liệu, bao gồm 50% là vật liệu đã được chứng nhận và 50% vật liệu được chỉ định cụ thể. Khi hệ số quy đổi là 0,25, cần 4 tấn đầu vào để sản xuất 1 tấn đầu ra. Vì thế, đầu ra sẽ bao gồm  $10/4 = 2,5$  tấn tạo ra từ hạng vật liệu với cùng tỷ lệ như của đầu vào.

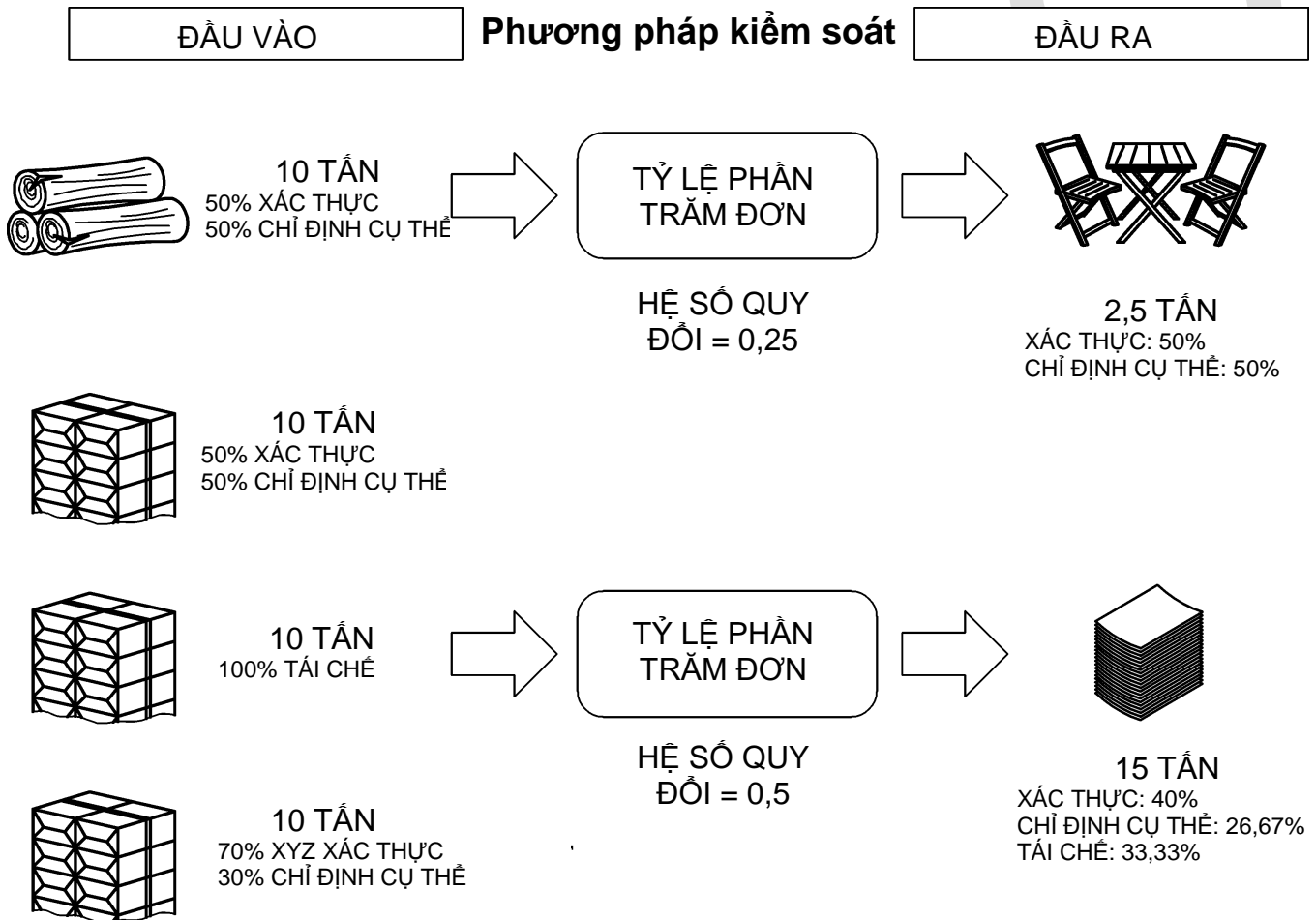
Trong Hình G.2, ví dụ thứ hai, ba mẻ riêng biệt, mỗi mẻ 10 tấn gồm các hạng vật liệu khác nhau được

trộn lại với nhau để cùng tạo vật liệu đầu vào để sản xuất 15 tấn sản phẩm đầu ra với cùng tỷ lệ của mỗi hạng vật liệu (cho hạng vật liệu “chỉ định cụ thể “x” và “tái chế”). Đầu vào của XYZ được chứng nhận và xác thực được thể hiện “kết hợp” (như xác thực) trong đầu ra:

Đầu vào:  $10 \times (50/100) = 5$  tấn xác thực;  $10 \times (50/100) + 10 \times (30/100) = 8$  tấn chỉ định cụ thể “x”;  $10 \times (100/100) = 10$  tấn tái chế;  $10 \times (70/100) = 7$  tấn XYZ xác thực; tổng cộng là 30 tấn.

Đầu ra: Vì hệ số quy đổi là 0,5, tổng đầu ra là 15 tấn với cùng tỷ lệ hạng vật liệu như tỷ lệ của đầu vào (đối với hạng chỉ định cụ thể “x” và tái chế). Đầu vào của XYZ được chứng nhận và xác thực được thể hiện kết hợp (là xác thực) trong đầu ra.

Chú thích: Trong ví dụ này, chỉ định cụ thể “x” đề cập tới vật liệu có cùng yêu cầu xác định.

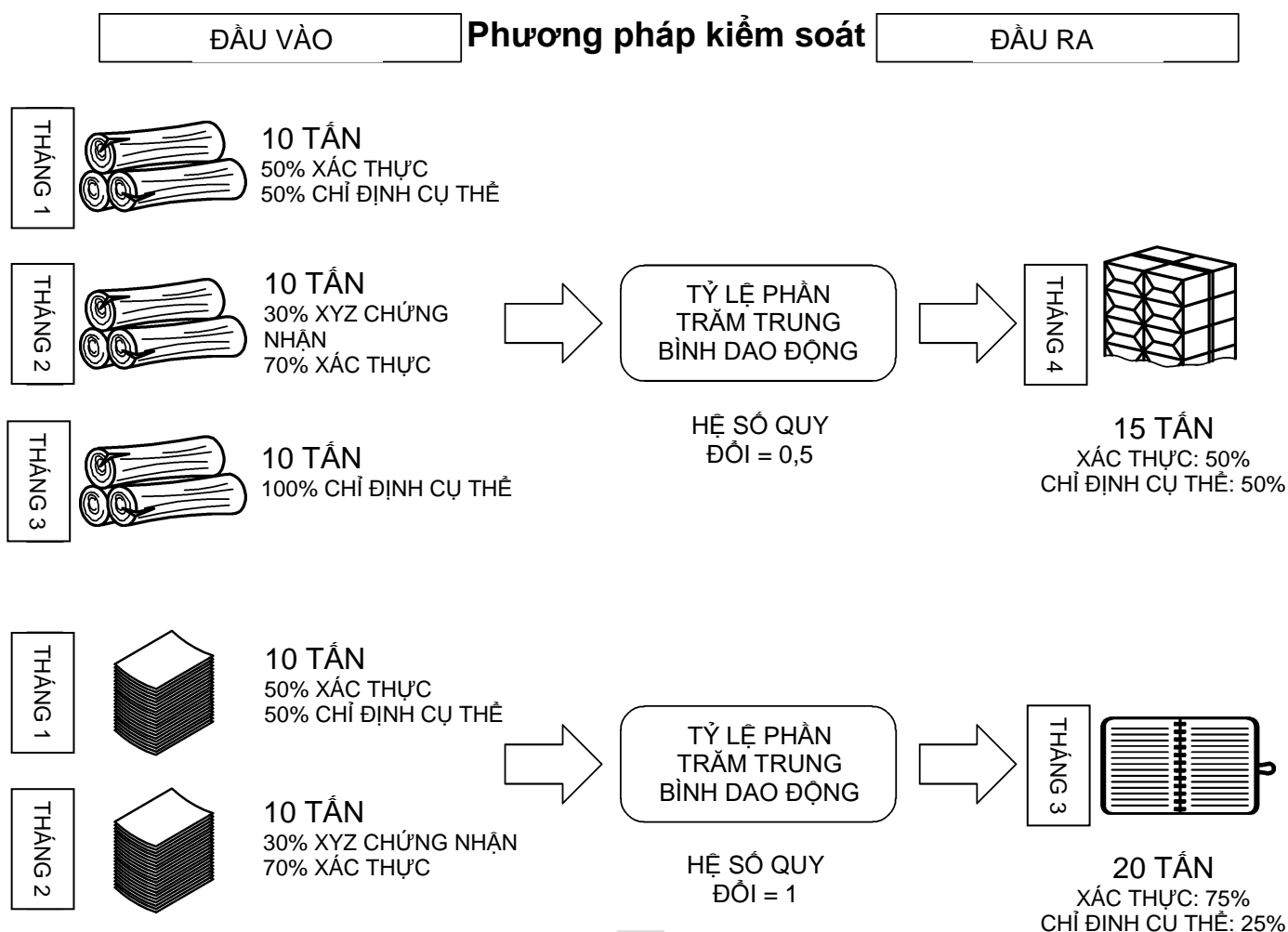


Hình G.2 Phương pháp tỷ lệ phần trăm đơn

### G.3 Phương pháp tỷ lệ phần trăm trung bình dao động

Trong Hình G.3, ví dụ đầu tiên của phương pháp tỷ lệ phần trăm trung bình dao động, đầu vào bao gồm tổng lượng vật liệu (30 tấn) trong giai đoạn 3 tháng. Mỗi hạng vật liệu được tính toán trung bình dựa trên đầu vào toàn bộ. Hệ số quy đổi là 0,5 và vì thế đầu ra sẽ bao gồm 15 tấn tạo ra từ các hạng vật liệu theo cùng tỷ lệ với đầu vào (đối với hạng chỉ định cụ thể “x” và tái chế). Đầu vào của XYZ chứng nhận và xác thực được thể hiện kết hợp (là xác thực) trong đầu ra. Tính toán tỷ lệ phần trăm của mỗi hạng giống với cách tính của phương pháp tỷ lệ phần trăm trung bình đơn.

Trong Hình G.3, ví dụ thứ hai, đầu vào bao gồm tổng lượng vật liệu (20 tấn) trong giai đoạn 2 tháng. Vì hệ số quy đổi là 1, lượng vật liệu đầu ra cũng là 20 tấn.



Hình G.3 – Phương pháp tỷ lệ phần trăm trung bình dao động

#### G.4 Phương pháp tín dụng – Ví dụ 1

Trong ví dụ của phương pháp tín dụng tại Hình G.4, đầu vào bao gồm 10 m<sup>3</sup> nguyên liệu thô mua vào, trong đó 5 m<sup>3</sup> là chỉ định cụ thể “x” và 5 m<sup>3</sup> là xác thực.

Đầu ra gồm 3 tấn sản phẩm đã chế tạo, trong đó 2 tấn là chỉ định cụ thể “x” và 1 tấn là xác thực.

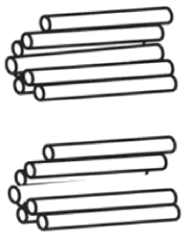
Tài khoản tín dụng được xử lý là nguyên liệu thô trước khi nguyên liệu được quy đổi. Hệ số quy đổi giữa tấn và m<sup>3</sup> là 0,25. Tài khoản tín dụng đối với hạng chỉ định cụ thể là 25 m<sup>3</sup> trước đó, và 22 m<sup>3</sup> sau đó, cho cả hai giao dịch.

Chú thích: Cân bằng tài khoản không bao giờ đạt dưới 0 sau bất cứ giao dịch nào.

Đầu vào:

5 m<sup>3</sup> chỉ định cụ thể “x”

5 m<sup>3</sup> xác thực

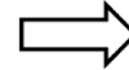
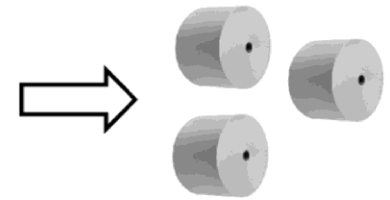


Tài khoản chỉ định cụ thể “x”		m <sup>3</sup>
Số dư đầu kỳ:		25
Giao dịch đầu vào 5 m <sup>3</sup>		+5
Giao dịch đầu ra 2 tấn (2/0,25 = 8)		-8
Số dư cuối kỳ:		22

Đầu ra:

2 tấn chỉ định cụ thể “x”

1 tấn xác thực



Hình G.4 Phương pháp tín dụng – Ví dụ 1

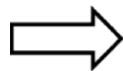
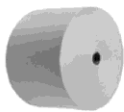
### G.5 Phương pháp tín dụng – Ví dụ 2

Hình G.5 minh họa một ví dụ khác của phương pháp tín dụng trong đó 3 mẻ riêng biệt đầu vào với nhiều hạng vật liệu khác nhau được trộn với nhau. Hệ số quy đổi là 1.

Chú thích: Trong cả ví dụ 1 và ví dụ 2, nguyên liệu thô được sử dụng làm cơ sở để tính toán. Điều này có nghĩa Công thức (2) trong tiểu mục 8.4 áp dụng cho cả hai trường hợp.

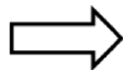
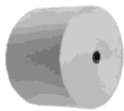
**Đầu vào 1:**

7 tấn chỉ định cụ thể “x”  
3 tấn xác thực



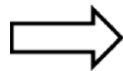
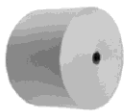
**Đầu vào 2:**

3 tấn tái chế  
7 tấn xác thực



**Đầu vào 3:**

6 tấn chỉ định cụ thể “x”  
4 tấn xác thực



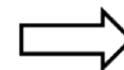
Tài khoản chỉ định cụ thể “x”		tấn
Số dư đầu kỳ:		50
Giao dịch đầu vào 1:		+7
Giao dịch đầu vào 3:		+6
Giao dịch đầu ra:		- 2
Số dư cuối kỳ:		61

---

Tài khoản tái chế		tấn
Số dư đầu kỳ:		20
Giao dịch đầu vào 2:		+3
Giao dịch đầu ra:		
Số dư cuối kỳ:		23

**Đầu ra:**

2 tấn chỉ định cụ thể “x”  
8 tấn xác thực



Hình G.5 Phương pháp tín dụng – Ví dụ 2



**Phụ lục H**  
(Tham khảo)  
**Các ví dụ về hạng “vật liệu chỉ định cụ thể”**

Các ví dụ trong Phụ lục này được giới thiệu để giúp người sử dụng tiêu chuẩn này hiểu rõ hơn cách có thể sử dụng hạng “vật liệu chỉ định cụ thể”.

Trong thực tiễn, các yêu cầu này sẽ phức tạp hơn; chúng được đơn giản hóa ở đây để dễ hiểu hơn.

**VÍ DỤ 1**

**Vật liệu chỉ định cụ thể:** “bột giấy Phần Lan”

**Các yêu cầu:** 100% gỗ có xuất xứ được khai thác từ Phần Lan.

**Vật liệu đầu vào:** Vật liệu xuất xứ từ Phần Lan.

**Phương pháp kiểm soát:** Phân tách vật lý.

**Mức độ bảo đảm:** đánh giá bởi bên thứ ba

**Tuyên bố vật liệu đầu ra:** bột giấy Phần Lan; 100%, chỉ định cụ thể; phân tách vật lý; đánh giá bởi bên thứ ba; ISO 38200:2018

Chứng nhận độc lập – Công khai tóm tắt báo cáo đánh giá và các yêu cầu.

**VÍ DỤ 2**

**Vật liệu chỉ định cụ thể:** “Gỗ tươi từ rừng của các chủ rừng nhỏ (ít nhất 50%)”

**Các yêu cầu:** Gỗ mới nguyên, hơn 50% trong đó đến từ rừng của các chủ rừng nhỏ (dưới 50 ha).

**Vật liệu đầu vào:** Vật liệu mới nguyên được xác thực <sup>1)</sup>, hơn 50% có xuất xứ từ rừng của các chủ rừng nhỏ.

**Phương pháp kiểm soát:** Phương pháp tỷ lệ phần trăm đơn.

**Mức độ bảo đảm:** Xác thực bởi bên thứ hai (đánh giá của khách hàng – công khai các kết quả và yêu cầu)

**Tuyên bố vật liệu đầu ra:** gỗ tươi từ rừng của các chủ rừng nhỏ (tối thiểu 50%); chỉ định cụ thể; tỷ lệ phần trăm đơn; đánh giá bởi bên thứ hai; ISO 38200:2018.

**VÍ DỤ 3**

**Vật liệu chỉ định cụ thể:** “A, B, C”

**Các yêu cầu:** Khai thác chọn.

**Vật liệu đầu vào:** Vật liệu được xác thực <sup>1)</sup>, 30% từ khai thác chọn.

**Phương pháp kiểm soát:** Phương pháp tín dụng.

**Mức độ bảo đảm:** Xác thực bởi bên thứ nhất (tự tuyên bố – được công khai cùng với các yêu cầu)

**Tuyên bố vật liệu đầu ra:** gỗ tươi từ rừng của các chủ rừng nhỏ (tối thiểu 50%); chỉ định cụ thể; tỷ lệ phần trăm đơn; đánh giá bởi bên thứ hai; ISO 38200:2018.

30% sản phẩm được bán là 100% chỉ định cụ thể theo phương pháp tín dụng – theo các yêu cầu, 70% sản phẩm được bán là 100% được xác thực.

**Các tuyên bố vật liệu đầu ra: Tuyên bố 1 (cho 30% chỉ định cụ thể):** A, B, C; 100%; chỉ định cụ thể; tín dụng; đánh giá bởi bên thứ nhất; ISO 38200:2018.

**Tuyên bố thứ hai (cho 70% còn lại):** 100% xác thực; tín dụng; đánh giá bởi bên thứ nhất; ISO 38200:2018.

---

1) Vật liệu được xác thực có thể bao gồm chỉ định cụ thể và/ hoặc vật liệu được chứng nhận được đưa vào tổ chức.

DỰ THẢO

### Thư mục tài liệu tham khảo

- [1]. **ISO 9000:2015** Quality management systems - Fundamentals and vocabulary. Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng - Cơ sở và từ vựng.
- [2]. **ISO 10002** Quality management - Customer satisfaction - Guidelines for complaints handling in organizations. Tiêu chuẩn quản lý chất lượng - Sự thỏa mãn của khách hàng - Hướng dẫn về xử lý khiếu nại.
- [3]. **ISO 13065** Sustainability criteria for bioenergy. Tiêu chuẩn về các tiêu chí cho sự bền vững của năng lượng sinh học.
- [4]. **ISO 14020** Environmental labels and declarations - General principles. Tiêu chuẩn về Nhãn môi trường và công bố môi trường - Các nguyên tắc chung.
- [5]. **ISO 14021** Environmental labels and declarations - Self-declared environmental claims (Type II environmental labelling). Tiêu chuẩn về Nhãn môi trường và công bố môi trường - Tự công bố về các khai báo môi trường (Ghi nhãn môi trường kiểu II).
- [6]. **ISO 15143-1** Earth-moving machinery and mobile road construction machinery — Worksite data exchange - Part 1: System architecture. Tiêu chuẩn về Máy móc di chuyển trên trái đất và máy móc xây dựng đường di động - Trao đổi dữ liệu công trường - Phần 1: Kiến trúc hệ thống.
- [7]. **ISO 16577:2016** Molecular biomarker analysis - Terms and definitions. Tiêu chuẩn về Phân tích dấu ấn sinh học phân tử – Thuật ngữ và định nghĩa.
- [8]. **ISO/IEC 17011** Conformity assessment - Requirements for accreditation bodies accrediting conformity assessment bodies. Tiêu chuẩn về Đánh giá sự phù hợp - Yêu cầu đối với tổ chức công nhận các tổ chức đánh giá sự phù hợp.
- [9]. **ISO/IEC 17065** Conformity assessment - Requirements for bodies certifying products, processes and services. Tiêu chuẩn về Đánh giá sự phù hợp - Yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận sản phẩm, quá trình và dịch vụ.
- [10]. **ISO 19011** Guidelines for auditing management systems. Tiêu chuẩn về Hướng dẫn đánh giá hệ thống quản lý.
- [11]. **ISO 19600:2014** Compliance management systems - Guidelines. Tiêu chuẩn về Hệ thống quản lý tuân thủ - Hướng dẫn.
- [12]. **ISO 22301:2012** Societal security - Business continuity management systems - Requirements. Tiêu chuẩn về An ninh xã hội - Hệ thống quản lý kinh doanh liên tục - Các yêu cầu.

[13]. **ISO 24294:2013** Timber - Round and sawn timber - Vocabulary. Tiêu chuẩn về Gỗ - Gỗ tròn và gỗ xẻ - Từ vựng.

[14]. **ISO/TR 24699:2009** Rubber and rubber products - Environmental aspects - General guidelines for their inclusion in standards. Tiêu chuẩn về Cao su và sản phẩm từ cao su – Các khía cạnh môi trường - Hướng dẫn chung để đưa chúng vào tiêu chuẩn.

[15]. **ISO Guide 73:2009** Risk management - Vocabulary. Hướng dẫn 73 về Quản lý rủi ro – Từ vựng.

[16]. **ISEAL** Setting Social and Environmental Standards - Code of Good Practice, Version 6.0. Available at <https://www.isealalliance.org/get-involved/resources/iseal-codes-good-practice>. Thiết lập các tiêu chuẩn xã hội và môi trường - Quy tắc thực hành tốt, Phiên bản 6.0. Có sẵn tại <https://www.isealalliance.org/get-involved/resources/iseal-codes-good-practice>.

[17]. Convention on International Trade in Endangered Species of Wild Fauna and Flora (CITES), Washington D.C., 1973. Công ước quốc tế về buôn bán các loại động, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) ký tại Washington D.C., 1973.

[18]. **TRANSPARENCY INTERNATIONAL**, Corruption Perceptions Index <https://www.transparency.org/research/cpi> [last checked 2018-06-08]. Chỉ số nhận thức tham nhũng.